

Bản án số: 295/2026/HS-PT

Ngày: 11-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 169/HSPT ngày 10/3/2026 đối với các bị cáo Huỳnh Công D và Nguyễn Quốc T, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm 65/2026/HS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Công D; sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số G đường P, Phường G, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hữu N và bà Phan Thị N1; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 24/5/2018, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/9/2022.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/9/2023. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại có kháng cáo: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1967 và ông Phạm Chí H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Số E đường N, Phường E, quận B (nay là phường B),

Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: Số E đường N, Phường A, quận G (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. (Đều có mặt tại phiên tòa)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Ngô Đa N2, Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Nguyễn Quốc T; sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: số A đường L, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị Kim H1; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 10/4/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HSST). Ngày 26/4/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 04 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST). Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 04/2018/QĐ-THHP ngày 16/7/2018, buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chấp hành hình phạt tù chung của hai bản án là 07 năm 09 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 23/12/2022.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/9/2023. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 19/9/2023, Nguyễn Quốc T chuẩn bị một mỏ lết bỏ vào cốp xe rồi khiển xe mô tô hiệu Lead màu đỏ biển số: 59S2-944.20 đi từ nhà số F đường C, Phường B, quận B, đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn quận G tìm kiếm nhà nào sơ hở trộm cắp tài sản. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, T điều khiển xe đến nhà bà Phạm Thị A ở số E đường N, Phường A, quận G, phát hiện cửa bị khóa, T dừng xe cách nhà khoảng 2m rồi đi bộ lại, dùng mỏ lết bẻ khoen cửa, đi vào nhà, đến tủ sắt đựng quần áo mở cánh cửa bên phải, tiếp tục mở hộp tủ nhỏ bên dưới phát hiện có nhiều vàng loại nhẫn trơn, một dây chuyền vàng và 05 triệu đồng, T lấy vàng cho vào bịch nylon, còn tiền cho vào túi quần rồi đi ra xe cho vàng vào cốp xe rồi T đi đến nhà Huỳnh Công D tại số A đường P, Phường C, quận G. Khi đến nhà D, T mở cửa đi vào, lên gác thấy D đang ngồi bấm điện thoại, T nhờ D xuống xe mở cốp lấy bịch đồ lên cho T, T kiểm tra thì có một dây chuyền, nhẫn vàng trơn các loại, T cho D 02 triệu đồng và một dây chuyền vàng. Đến 15 giờ cùng

ngày, T về nhà số F đường C, Phường B, quận B, trên đường về T vứt mở lết, áo khoác và một số đồ vật xuống cầu B để phi tang. Đến ngày 20/9/2023, T mang số vàng trộm được nêu trên đi bán cho một người tên T1 (Chưa rõ lai lịch) tại Công viên gần cầu C, Quận H được 120 triệu đồng và giữ lại nhẫn vàng tron 02 (hai) chỉ vàng. Đến chiều ngày 21/9/2023, T bị lực lượng Công an mời làm việc và thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Qua truy xét ngày 21/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đưa Huỳnh Công D và Lâm Thanh T2 về trụ sở làm việc.

Huỳnh Công D khai: Ngày 19/9/2023, Nguyễn Quốc T đến nhà D tại số A đường P, Phường C, quận G. Tại đây, D được T cho một dây chuyền vàng và 02 triệu đồng, D bán dây chuyền vàng được 2.146.000 đồng, số tiền này D tiêu xài và mua ma túy để dành sử dụng, D biết số tiền và vàng T cho là do T phạm tội mà có. Kiểm tra trong người của D phát hiện có 01 (một) gói nylon bên trong có chứa tinh thể không màu cất giấu trong túi quần bên phải, phía sau, D khai là ma túy, D mua của một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) tại chân cầu T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 20/9/2023, sau khi mua được ma túy, D đến nhà Lâm Thanh T2 tại địa chỉ D đường N, xã V, huyện B chơi và sau đó D rủ T2 đến bãi đất trống thuộc ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng ma túy với D (ma túy D cho T2 sử dụng). Số ma túy dư còn lại D cất giấu vào túi quần và bị phát hiện, bắt giữ như đã nêu trên.

Lâm Thanh T2 khai: Ngày 20/9/2023, D rủ T2 sử dụng chung ma túy với D (ma túy do D cung cấp). Đến 11 giờ 30 ngày 21/9/2023, D và T2 đang đi uống nước trên đường N, xã V, huyện B thì bị lực lượng Công an đưa cả hai về trụ sở làm việc. Qua kiểm tra phát hiện D cất giấu ma túy, việc D cất giấu ma túy thì T2 hoàn toàn không biết.

Sau khi bị mất tài sản, bà Phạm Thị A đã đến Công an P, quận G trình báo bị mất trộm tài sản gồm:

1. 12,5 lượng vàng 9999 loại vàng nhẫn các loại gồm có loại 05 chỉ, 02 chỉ, 01 chỉ (Mua tại Tiệm V).

2. Khoảng 20 triệu đồng (gồm các mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng).

3. 100 USD.

4. 01 (một) bộ trang sức bạch kim gồm: 01 (một) nhẫn vàng, 01 (một) sợi dây chuyền vàng, 01 (một) lắc tay vàng, 01 (một) đôi bông tai hột xoàn.

5. 01 (một) Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ tên Phạm Chí H.

6. 01 (một) Sổ tiết kiệm của V đứng tên bà Phạm Thị Anh .

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 217/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận G kết luận: Giá trị các tài sản bị mất trộm theo như bà Phạm Thị A (Bị hại) trình báo vào ngày 19/9/2023 là 715.164.175 đồng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận G kết luận: Giá trị các tài sản lấy trộm được theo như lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc T vào ngày 19/9/2023 là 125.436.667 đồng (Chưa tính 05 triệu đồng tiền mặt).

Khám xét nhà của Nguyễn Quốc T thu giữ số tiền 190 triệu đồng, T khai nguồn gốc số tiền 190 triệu đồng là trộm cắp 02 (hai) lượng vàng bán được 120 triệu đồng, 20 triệu đồng vay ngân hàng và 50 triệu đồng do làm công cho bà L là Chủ cơ sở kinh doanh Gạo tại số F đường C, Phường B, quận B.

Tiến hành cho đối chất giữa bà Phạm Thị A với Nguyễn Quốc T. T chỉ thừa nhận T lấy trộm số vàng của bà A theo kết luận định giá là 125.436.667 đồng và 5.000.0000 đồng tiền mặt. Như vậy tổng số tiền mà trí chiếm đoạt của bà A là 130.436.667 đồng. Bà A khẳng định bị mất số vàng trị giá 715.164.175 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 10398/KL-KTHS ngày 29/9/2023 của Phòng K-Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9364g, loại Methamphetamine.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị A yêu cầu bồi thường 770.000.000 đồng (đã nhận lại 125.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 9999 loại 02 chỉ nhẫn hiệu “KIM HUNG GV”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 65/2026/HS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2023.

Phạt bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Công D 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Huỳnh Công D phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường cho bà Phạm Thị A, ông Phạm Chí H số tiền 2.146.000 (hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ thêm về số lượng tài sản thực tế Nguyễn Quốc T chiếm đoạt của bị hại Phạm Thị A, Phạm Chí H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2026, các bị hại là bà Phạm Thị A và ông Phạm Chí H có đơn kháng cáo buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường thiệt hại đầy đủ cho các bị hại.

Ngày 04/02/2026, bị cáo Huỳnh Công D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/4/2026, các bị hại là bà Phạm Thị A và ông Phạm Chí H có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T, Huỳnh Công D và buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường thiệt hại đầy đủ cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Công D và bị hại đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và xét xử đối với bị cáo Huỳnh Công D về các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 323, điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về trách nhiệm dân sự, các bị hại là bà Phạm Thị A và ông Phạm Chí H xác định tài sản ông bà bị bị cáo Nguyễn Quốc T chiếm đoạt là 12,5 lượng vàng nhẫn 9999; 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD; 01 bộ trang sức bạc kim gồm: 01 nhẫn vàng, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng,

01 đôi bông tai hột xoàn, không có hoá đơn chứng từ, không xác định được loại vàng và trọng lượng với tổng trị giá là 715.164.175 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Công D, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Về kháng cáo bổ sung của các bị hại, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo để tuyên mức hình phạt phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Huỳnh Công D không tự bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Nguyễn Quốc T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại.

- Luật sư Ngô Đa N2 trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại như sau: Luật sư cho rằng kháng cáo của các bị hại về đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại là có căn cứ. Bởi lẽ, khi khám xét trong balo có phát hiện 02 miếng kim loại màu vàng nhưng Cơ quan điều tra chưa làm rõ nguồn gốc chất liệu 02 miếng kim loại trên có phải là vàng hay không và nguồn gốc ở đâu mà có. Bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 19/9/2023, nhưng Cơ quan điều tra chỉ sao kê tài khoản của bị cáo T đến ngày 20/9/2023 là chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo T hoàn toàn có thể tẩu tán tài sản vào ngày 21/9/2023. Bên cạnh đó, tại bản sao kê tài khoản có phát sinh giao dịch của Nguyễn Ngọc Thanh T3 có chuyển khoản 2 lần nhưng Cơ quan điều tra chưa làm rõ mục đích, vì đây có thể là giao dịch mua bán vàng. Tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản đối chất thì ông T4 và bà L đều khẳng định bị cáo T làm việc cho ông bà trong 6 tháng, ngoài trả lương cho bị cáo thì không trả cho bị cáo T khoản tiền nào khác, nhưng theo bản sao kê tài khoản thì ông T4 có chuyển 43.000.000 đồng nhưng Cơ quan điều tra chưa làm rõ đây là tiền gì và ông T4 có liên quan gì đến bị cáo T hay không. Ngoài ra, Cơ quan điều tra chưa làm rõ khoản tiền hui và khoản tiền 190.000.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo T, bởi lẽ mặc dù bà L khai rằng mình không liên quan nhưng có thừa nhận đóng hui dùm cho bị cáo T, đồng thời bị cáo T có nhiều lời khai khác nhau về số tiền thu giữ tại nhà của bị cáo nên cần điều tra làm rõ. Bị cáo Huỳnh Công D biết số vàng được bị cáo cho là do bị cáo T trộm cắp nhưng Cơ quan điều tra chưa xem xét hành vi không tố giác tội phạm của bị cáo D là bỏ lọt tội phạm. Cơ quan điều tra chỉ ghi nhận lời khai của các bị cáo mà không ghi nhận lời khai của bị hại liên quan đến nguồn gốc số vàng bị mất và cho rằng yêu cầu của bị hại chưa có cơ sở là không phù hợp, bởi lẽ bị hại đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ mua bán vàng tại tiệm vàng. Do đó, Luật sư đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm,

giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh để trả cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để điều tra, giải quyết theo thủ tục chung.

- Các bị hại thống nhất với luận cứ bảo vệ của Luật sư và không trình bày bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp như sau: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

- Bị cáo Nguyễn Quốc T tranh luận, đối đáp như sau: Bị cáo chở gạo cho ông T4 và bà L, nên bà L nhờ bị cáo nhận và chuyển tiền cho những người mua bán gạo.

- Bị cáo Huỳnh Công D tranh luận, đối đáp với luật sư của bị hại như sau: Bị cáo không chắc chắn bị cáo T có phạm tội trộm cắp tài sản hay không nên bị cáo không có hành vi “Không tố giác tội phạm” đối với bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát, luật sư, các bị cáo và bị hại đều bảo lưu quan điểm tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Huỳnh Công D đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Công D và đơn kháng cáo của bị hại về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về nội dung đơn kháng cáo bổ sung của các bị hại về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T và Huỳnh Công D, Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 1 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *“Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo”*. Xét đơn kháng cáo bổ sung của các bị hại về việc đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo là làm xấu hơn tình trạng của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo bổ sung của các bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Quốc T và Huỳnh Công D khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Vào ngày 19/9/2023 sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà của bà Phạm Thị A và ông Phạm Chí H, bị cáo Nguyễn Quốc T đã mang toàn bộ tang vật đến chỗ ở của bị cáo Huỳnh Công D tại nhà số A đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và cho bị cáo Danh số tiền 2.000.000 đồng cùng một sợi dây chuyền vàng. Sau đó, bị cáo D bán sợi dây chuyền này được 2.146.000 đồng, rồi dùng tiền để tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo Huỳnh Công D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Công D khai biết bị cáo trộm cắp tài sản nhưng không biết thời gian, địa điểm và không biết số tiền, vàng này bị cáo T do đâu mà có nên không có căn cứ xem xét tội danh “Không tố giác tội phạm” như đề nghị của Luật sư.

[2.2] Vào ngày 20/9/2023 tại bãi đất trống thuộc ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Huỳnh Công D đã có hành vi cung cấp ma túy để D và Lâm Thanh T2 cùng sử dụng trái phép nên hành vi của bị cáo Huỳnh Công D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.3] Ngày 21/9/2023, bị cáo Huỳnh Công D bị phát hiện có hành vi cất giấu 1,9364g, loại Methamphetamine, là ma túy mà D mua của một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) tại chân cầu T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để D và Lâm Thanh T2 sử dụng còn dư nên hành vi của bị cáo Huỳnh Công D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối bị cáo Huỳnh Công D về các tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Công D có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo Huỳnh Công D được xem là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Công D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo khi lượng hình. Xét, bị cáo Huỳnh Công D có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6] Về nội dung kháng cáo của các bị hại đề nghị xem xét lại nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Quốc T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Quá trình điều tra xác định vào ngày 19/9/2023 bị cáo Nguyễn Quốc T đã có hành vi điều khiển xe máy đến nhà của ông Phạm Chí H và bà Phạm Thị A tại số E đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo đã dùng mỏ lết bẻ khoen cửa, sau đó bị cáo đi vào nhà và lấy trộm vàng loại nhẫn trơn, một dây chuyền

vàng và 5.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi lấy trộm tài sản thì T điều khiển xe đi đến nhà bị cáo Huỳnh Công D và cho bị cáo D 2.000.000 đồng cùng một dây chuyền vàng (D bán dây chuyền vàng được 2.146.000 đồng). Đến ngày 20/9/2023, T mang số vàng đã trộm còn lại đi bán cho một người tên T1 (Chưa rõ lai lịch) tại Công viên gần cầu C, Quận H được 120.000.000 đồng và giữ lại nhẫn vàng trơn 02 (hai) chỉ vàng. Căn cứ Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận – Ủy ban nhân dân quận G kết luận giá trị các tài sản lấy trộm được theo như lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc T vào ngày 19/9/2023 là 125.436.667 đồng (Chưa tính 5.000.000 đồng tiền mặt).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 2.146.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường số tiền này cho bị hại bà Phạm Thị A, ông Phạm Chí H là có căn cứ. Đối với số tiền 2.146.000 đồng là tiền mà bị cáo Huỳnh Công D bán dây chuyền vàng có được và số tiền 2.000.000 đồng được bị cáo Nguyễn Quốc T cho sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xét đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo Huỳnh Công D nộp lại để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại là bà Phạm Thị A và ông Phạm Chí H xác định tài sản ông bà bị bị cáo Nguyễn Quốc T chiếm đoạt là 12,5 lượng vàng nhẫn 9999, 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 USD; 01 (một) bộ trang sức bạc kim gồm: 01 (một) nhẫn vàng, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng, 01 đôi bông tai hột xoàn, không có hoá đơn chứng từ, không xác định được loại vàng và trọng lượng, nhưng các bị hại chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc T phải hoàn trả 10 lượng vàng hoặc tiền có mệnh giá tương đương tại thời điểm hiện tại là 160.000.000 đồng/lượng (Tổng cộng là 1.600.000.000 đồng). Xét, Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để điều tra bổ sung yêu cầu tiến hành đối chất giữa bị hại và bị cáo Nguyễn Quốc T về số tiền bị chiếm đoạt nhưng kết quả điều tra không làm rõ được số tài sản mà bị hại bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

Đối với các nội dung mà Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại trình bày đã được Cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung và Cơ quan điều tra đã thu thập đầy đủ nên đề nghị của Luật sư về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đấu tranh, làm rõ thêm về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Quốc T đối với các bị hại Phạm Thị A và Phạm Chí H.

[7] Bị cáo Huỳnh Công D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Công D và không chấp nhận kháng cáo của các bị hại bà Phạm Thị A, ông Phạm Chí H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm 65/2026/HS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2023.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công D 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 03 tội danh, buộc bị cáo Huỳnh Công D phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường cho bà Phạm Thị A, ông Phạm Chí H số tiền 2.146.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường cho bị hại thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra, làm rõ thêm về số lượng tài sản thực tế Nguyễn Quốc T chiếm đoạt của các bị hại bà Phạm Thị A, ông Phạm Chí H.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Huỳnh Công D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 7; (1)
- TAND Khu vực 7; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 7; (1)
- Bị cáo; (2)
- Phân trại tạm giam Thông Tây Hội thuộc Trại tạm giam Số 2; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (24) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang